

Số: 64 /KH-ĐCB

Hóc Môn, ngày 04 tháng 9 năm 2024

KẾ HOẠCH

Thực hiện ba công khai năm học 2024-2025

- Căn cứ Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15 tháng 9 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục & Đào tạo ban hành Điều lệ trường THCS, trường THPT và trường phổ thông có nhiều cấp học qui định nhiệm vụ, quyền hạn của hiệu trưởng THCS;

- Căn cứ Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 6 năm 2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về ban hành Quy định về công khai trong hoạt động của các cơ sở giáo dục của hệ thống giáo dục quốc dân;

Hiệu trưởng Trường THCS Đặng Công Bình lập Kế hoạch thực hiện 3 công khai năm học 2024-2025 như sau:

I. Mục tiêu thực hiện công khai

- Thực hiện công khai cam kết của nhà trường về chất lượng giáo dục thực tế, về điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục và về thu chi tài chính để người học, các thành viên của nhà trường và xã hội tham gia giám sát và đánh giá nhà trường theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện công khai của nhà trường nhằm nâng cao tính minh bạch, phát huy dân chủ, tăng cường tính tự chủ và tự chịu trách nhiệm của nhà trường trong quản lý nguồn lực và đảm bảo chất lượng giáo dục.

II. Nội dung thực hiện

1. Công khai cam kết chất lượng giáo dục và chất lượng giáo dục thực tế

1.1. Cam kết chất lượng giáo dục

Điều kiện về đối tượng tuyển sinh của nhà trường, chương trình giáo dục mà nhà trường tuân thủ, yêu cầu phối hợp giữa nhà trường và gia đình, yêu cầu thái độ học tập của học sinh, điều kiện cơ sở vật chất của nhà trường, các hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt cho học sinh ở nhà trường, đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý và phương pháp quản lý của nhà trường; kết quả đạo đức, học tập, sức khỏe của học sinh dự kiến đạt được; khả năng học tập tiếp tục của học sinh.

1.2. Chất lượng giáo dục thực tế

Số học sinh xếp loại theo hạnh kiểm, học lực, tổng hợp kết quả cuối năm; tình hình sức khỏe của học sinh; số học sinh đạt giải các kỳ thi học sinh giỏi, số học sinh dự xét tốt nghiệp THCS, số học sinh được công nhận tốt nghiệp, số học sinh thi đỗ vào lớp 10 THPT.

2. Công khai điều kiện đảm bảo chất lượng nhà trường

2.1. Cơ sở vật chất

Số lượng, diện tích các loại phòng học, phòng chức năng, số thiết bị dạy học đang sử dụng, tính bình quân trên một lớp.

2.2. Đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên

- Số lượng, chức danh có phân biệt theo hình thức tuyển dụng và trình độ đào tạo.
- Số lượng giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên được đào tạo, bồi dưỡng; hình thức, nội dung, trình độ và thời gian đào tạo và bồi dưỡng trong năm học và 2 năm tiếp theo.

3. Công khai thu chi tài chính

- Thực hiện công khai các quỹ có nguồn từ ngân sách nhà nước và các quỹ theo hướng dẫn của ngành GD-ĐT.

- Thực hiện niêm yết các biểu mẫu công khai dự toán, quyết toán thu chi tài chính theo hướng dẫn của Nghị quyết 04/2023/NQ-HĐND ngày 12/07/2023 của Hội Đồng Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh; Quyết định số 13/2024/NQ-HĐND ngày 16/07/2024 của Hội đồng nhân dân Thành phố quy định các khoản thu và mức thu, cơ chế quản lý thu chi đối với các dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục của cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh từ năm học 2024-2025; Công văn số 5307/SGDĐT-KHTC ngày 26/08/2024 của Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh về hướng dẫn thu, sử dụng học phí và các khoản thu khác; thực hiện chế độ miễn, giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập từ năm học 2024-2025 của các cơ sở giáo dục và đào tạo công lập trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

- Công khai học phí và các khoản thu khác từ người học: mức thu học phí và các khoản thu khác theo từng năm học và dự kiến cho cả cấp học.

- Công khai các khoản chi theo từng năm học: các khoản chi lương, chi bồi dưỡng chuyên môn, chi hội họp, hội thảo, chi tham quan học tập; mức thu nhập hàng tháng của giáo viên và cán bộ quản lý (mức cao nhất, bình quân và thấp nhất); mức chi thường xuyên/1 học sinh; chi đầu tư xây dựng, sửa chữa, mua sắm trang thiết bị.

- Công khai chính sách và kết quả thực hiện chính sách hàng năm về trợ cấp và miễn, giảm học phí đối với người học thuộc diện được hưởng chính sách xã hội.

- Công khai kết quả kiểm toán (nếu có).

III. Hình thức và thời điểm công khai

1. Hình thức

- Công khai trên Cổng thông tin của nhà trường.
- Niêm yết công khai tại nhà trường (dùng mã QR).
- Công khai trong các kỳ họp, đại hội ban đại diện CMHS.

2. Thời điểm, thời gian công khai

- Thời điểm công khai là tháng 6 hằng năm và cập nhật đầu năm học hoặc khi

có thay đổi nội dung liên quan.

- Thời gian thực hiện niêm yết ít nhất 3 ngày liên tục kể từ ngày niêm yết.
- Lập biên bản niêm yết công khai và biên bản kết thúc công khai.

IV. Tổ chức thực hiện và chế độ báo cáo

1. Hiệu trưởng chịu trách nhiệm

- Tổ chức thực hiện các nội dung, hình thức và thời điểm công khai theo quy định. Thực hiện tổng kết, đánh giá công tác công khai nhằm hoàn thiện và nâng cao hiệu quả công tác quản lí.
- Báo cáo kết quả thực hiện quy chế công khai của năm học 2024-2025 và kế hoạch triển khai quy chế công khai của năm học 2024-2025 cho phòng Giáo dục.
- Tạo điều kiện thuận lợi cho công tác kiểm tra việc thực hiện công khai của nhà trường của các cấp.
- Thực hiện công bố kết quả kiểm tra vào thời điểm không quá 5 ngày sau khi nhận được kết quả kiểm tra của cơ quan chỉ đạo, chủ trì tổ chức kiểm tra và bằng các hình thức sau đây:
 - + Công bố công khai trong cuộc họp với cán bộ, giáo viên, nhân viên của nhà trường.
 - + Niêm yết công khai kết quả kiểm tra tại nhà trường đảm bảo thuận tiện cho cán bộ, giáo viên, nhân viên, cha mẹ học sinh hoặc người học được biết.
 - + Đưa lên trang thông tin điện tử của nhà trường.

2. Trách nhiệm của các thành viên thực hiện công khai trong nhà trường

Các thành viên được phân công nhiệm vụ các công việc có nội dung công khai thực hiện theo đúng quy định về thời gian công khai và hình thức thực hiện như phần IV.

2.1. Phó hiệu trưởng

- Hoàn thành các nội dung công khai theo biểu mẫu số 9 và số 10: Công khai về cam kết chất lượng giáo dục và chất lượng giáo dục thực tế.
- Phối hợp đ/c văn thư công khai đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lí và nhân viên.

2.2. Kế toán và nhân viên thiết bị: Phụ trách CSVN và thiết bị dạy học thực hiện công khai về cơ sở vật chất theo biểu mẫu số 11.

2.3. Kế toán thực hiện

- Công khai các quỹ có từ ngân sách nhà nước và các quỹ khác trong nhà trường.
- Thực hiện niêm yết các mẫu công khai dự toán, quyết toán thu tài chính.
- Công khai học phí và các khoản thu khác từ người học: mức thu học phí và các khoản thu khác theo từng năm học và dự kiến cho cả cấp học.
- Công khai các khoản chi theo từng năm học: các khoản chi lương, chi bồi dưỡng chuyên môn, chi hội họp, hội thảo, chi tham quan học tập; mức thu nhập hàng tháng của giáo viên và cán bộ quản lí (mức cao nhất, bình quân và thấp nhất); mức chi

thường xuyên/1 học sinh; chi đầu tư xây dựng, sửa chữa, mua sắm trang thiết bị.

- Công khai chính sách và kết quả thực hiện chính sách hàng năm về trợ cấp và miễn, giảm học phí đối với học sinh thuộc diện được hưởng chính sách xã hội.
- Công khai kết quả kiểm toán (nếu có).

2.4. Thanh tra nhân dân

Có trách nhiệm thanh tra các quỹ đúng thời gian, công khai vào phiên Hội nghị cán bộ viên chức hàng năm và niêm yết tại văn phòng nhà trường.

Trên đây là kế hoạch Thực hiện Ba công khai năm học 2024-2025 của trường THCS Đặng Công Bình. Yêu cầu các thành viên được phân công nhiệm vụ thực hiện nghiêm túc, đúng thời gian. Trong quá trình thực hiện, nhà trường có thể điều chỉnh cho phù hợp với tình hình thực tế./.

Nơi nhận:

- PHT, KT, VT, TB (để thực hiện);
- Lưu VT./.



Hiệu trưởng

Nguyễn Hoàng Châu

THÔNG BÁO

CÔNG KHAI THÔNG TIN VỀ ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN

Năm học 2024-2025

STT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo						Hạng chức danh nghề nghiệp			Chuẩn nghề nghiệp			
			TS	ThS	ĐH	CD	TC	Dưới TC	Hạng III	Hạng II	Hạng I	Xuất sắc	Khá	Trung bình	Kém
	Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên	79		2	63	1	4	9							
I	Giáo viên	57													
	Trong đó số giáo viên dạy môn:														
1	Toán	10		1	9					10		10			
2	Khoa học tự nhiên - Vật lý	3			3					3		3			
3	Khoa học tự nhiên - Hóa	2			2					2		2			
4	Khoa học tự nhiên - Sinh	1			1					1		1			
5	Ngữ văn	9			9					9		9			
6	Lịch sử và Địa lý - Lịch sử	3			3					3		3			
7	Lịch sử và Địa lý - Địa lý	4			4					4		4			
8	Tiếng Anh	7			7					7		7			
9	Giáo dục thể chất	4			4					4		4			
10	Nghệ thuật - Âm nhạc	1			1					1		1			
11	Nghệ thuật - Mỹ Thuật	2			2					2		2			

[illegible]

STT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo					Hạng chức danh nghề nghiệp			Chuẩn nghề nghiệp			
			TS	ThS	ĐH	CD	TC	Dưới TC	Hạng III	Hạng II	Hạng I	Xuất sắc	Khá	Trung bình
	Tổng số giáo viên, cán bộ quản lí và nhân viên	79	2	63	1	1	4	9						
11	CT Phụ cấp	1		1						1		1		
12	Giám thị	4		2	1			1						
13	Phục vụ	4						4						
14	Bảo vệ	4					1	3						

Học Môn ngày 27 tháng 9 năm 2024

NGUYỄN HUU TRUONG



Nguyễn Hoàng Châu

UBND HUYỆN HỌC MÔN
TRƯỜNG THCS ĐẠNG CÔNG BÌNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

THÔNG BÁO

CÔNG KHÁI THÔNG TIN VỀ ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN

Năm học 2024-2025

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Số phòng học	34	Số m ² /học sinh
II	Loại phòng học		
1	Phòng học kiên cố	34	1,54 m ² /học sinh
2	Phòng học bán kiên cố	0	
3	Phòng học tạm	0	
4	Phòng học nhờ	0	
5	Số phòng học bộ môn	14	
6	Số phòng học đa chức năng (có phương tiện nghe nhìn)	0	
7	Bình quân lớp/phòng học	1,5	
8	Bình quân học sinh/lớp	45	
III	Số điểm trường	1	
IV	Tổng số diện tích đất (m ²)	11157	
V	Tổng diện tích sân chơi, bãi tập (m ²)	1984	
VI	Tổng diện tích các phòng		
1	Diện tích phòng học (m ²)	3150	
2	Diện tích phòng học bộ môn (m ²)	1093,3	
3	Diện tích thư viện (m ²)	268,8	
4	Diện tích nhà tập đa năng (Phòng giáo dục rèn luyện thể chất) (m ²)	347,1	

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
5	Diện tích phòng hoạt động Đoàn Đội, phòng truyền thống (m ²)		
VII	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)	56	Số bộ/lớp
1	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có theo quy định	56	
1.1	Khối lớp 6	16	
1.2	Khối lớp 7	14	
1.3	Khối lớp 8	14	
1.4	Khối lớp 9	12	
2	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu còn thiếu so với quy định		
2.1	Khối lớp 6	0	
2.2	Khối lớp 7	0	
2.3	Khối lớp 8	0	
2.4	Khối lớp 9	0	
3	Khu vườn sinh vật, vườn địa lí (diện tích/thiết bị)		
VIII	Tổng số máy vi tính đang sử dụng phục vụ học tập (Đơn vị tính: bộ)	231	Số học sinh/bộ
IX	Tổng số thiết bị đang sử dụng	231	Số thiết bị/lớp
1	Ti vi	34	Cái
2	Cassette	08	Cái
3	Đầu Video/đầu đĩa, Projector	09	Cái
4	Bảng tương tác	03	Cái
5	Đàn Organ	0	Cái
6	Hệ thống trồng cây theo mô hình thủy canh	0	Cái

	Nội dung	Số lượng (m ²)
X	Nhà bếp	99
XI	Nhà ăn	388.8

	Nội dung	Số lượng phòng, tổng diện tích (m ²)	Số chỗ	Diện tích bình quân/chỗ
XII	Phòng nghỉ cho học sinh bán trú	13/1154	800	1.4425
XIII	Khu nội trú	0	0	0

XIV	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên		Dùng cho học sinh		Số m ² /học sinh	
			Chung		Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	X			X		1,4
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*	-	-		-	-	-

(*Theo Quyết định số 07/2007/QĐ-BGĐT ngày 02/4/2007 của Bộ GDĐT ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học và Quyết định số 08/2005/QĐ-BYT ngày 11/3/2005 của Bộ Y tế quy định về tiêu chuẩn vệ sinh đối với các loại nhà tiêu)

	Nội dung		Có	Không
XV	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh		X	
XVI	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)		X	
XVII	Kết nối internet (ADSL)		X	

	Nội dung	Có	Không
XVIII	Trang thông tin điện tử (website) của trường	X	
XIX	Tường rào xây	X	

Học Môn, ngày 04 tháng 9 năm 2024

HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Hoàng Châu

